

Bản án số: 706/2021/DS-ST

Ngày: 06/4/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2020/TLST-DS ngày 14/7/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 714/2021/QĐST-DS ngày 12/01/2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng

Trụ sở: Toà nhà Ree, Số 9 Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Hoàng Sung (Văn bản uỷ quyền số 106/UQTA-VH.20 ngày 01/6/2020)

Ông Đặng Hoàng Sung có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Thành C (Vắng mặt)

Địa chỉ: 109/3/6 Hiệp Bình, khu phố 6, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà, nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng

Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi tắt là: Công ty VPB) có người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Vào ngày 25/11/2016, ông Nguyễn Thành C có ký văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20161126-0001469 với Công ty VPB. Nội dung của hợp đồng thỏa thuận như sau:

Công ty VPB cho ông C vay số tiền 31.988.862 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng. Lãi suất cho vay: 3.75%/tháng. Tổng số tiền ông C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty VPB là 59.091.279 đồng, trả góp trong vòng 36 kỳ. Trong 35 kỳ đầu, mỗi tháng trả góp 1.634.000 đồng, kỳ thanh toán cuối cùng là 1.901.279 đồng. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu thực hiện kỳ thanh toán đầu tiên vào ngày 01/01/2017.

Thực hiện hợp đồng, ông C đã nhận được khoản tiền vay, đã thanh toán được 10 kỳ với tổng số tiền là 16.340.000 đồng. Kể từ ngày 26/01/2018 cho đến nay, ông C không thanh toán thêm cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nào. Mặc dù Công ty VPB đã nhiều lần nhắc nợ nhưng ông C chỉ hứa hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Do hợp đồng vay đã hết hạn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ là 42.751.279 đồng, trong đó nợ gốc là 26.944.649 đồng, nợ lãi là 15.806.630 đồng.

\* Bị đơn ông Nguyễn Thành C đã được Toà án tổng đạt hợp lệ để tham gia tố tụng tại Toà án nhưng đều vắng mặt nên Toà án không thể lấy lời khai của ông C được.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Ngoài việc vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành tố tụng khác từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Thành C phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ 42.751.279 đồng. ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên tòa cùng lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông Nguyễn Thành C có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Thành C đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

Ông Đặng Hoàng Sung, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty VPB có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Công ty VPB nộp, có cơ sở để khẳng định giữa nguyên đơn và ông Nguyễn Thành C đã phát sinh quan hệ vay tài sản .

Thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Thành C đã nhận được tiền vay 31.988.862 đồng, đã thanh toán được số tiền gốc và lãi là 16.340.000 đồng. Hiện bị đơn còn nợ Công ty VPB số tiền là 42.751.279 đồng, trong đó nợ gốc là 26.944.649 đồng, nợ lãi là 15.806.630 đồng. Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tại phiên toà, ngoài các chứng cứ do Công ty VPB nộp cho Toà án, ông Nguyễn Thành C không nộp bất cứ chứng cứ nào cũng như không có bất cứ sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp và tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Thành C phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ trên.

-Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành C phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty VPB.

Công ty VPB không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 3, Điều 4, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng .

Buộc ông Nguyễn Thành C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng

số tiền nợ là 42.751.279 (Bốn mươi hai triệu bảy trăm năm mươi một ngàn hai trăm bảy mươi chín) đồng, trong đó nợ gốc là 26.944.649 (Hai mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn sáu trăm bốn mươi chín) đồng, nợ lãi là 15.806.630 (Mười lăm triệu tám trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm ba mươi) đồng.

Trường hợp Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Thành C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.068.782 (Một triệu không trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm tám mươi hai) đồng.

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.068.782 (Một triệu không trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm tám mươi hai) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0057395 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, ông Nguyễn Thành C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

## Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Minh**





